

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Thùy Dung*, Đinh Thị Vững, Nguyễn Thị Thúy Vân
Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment – FDI) là một trong những nhân tố quan trọng, đóng góp lớn vào tăng trưởng, tạo việc làm, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa ở Việt Nam. Việt Nam hiện nay là quốc gia đang có “sức hấp dẫn” đối với các nhà đầu tư nước ngoài bởi vì nền tảng kinh tế và sức cạnh tranh toàn cầu ngày càng được hoàn thiện. Những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc thu hút nguồn vốn FDI. Trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm tác giả thực hiện phân tích tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong giai đoạn 1988 -2017. Từ đó, xây dựng được bức tranh tổng thể về quá trình đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, Hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam, FDI tại Việt Nam

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính đến cuối năm 2017, sau 30 năm kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được Quốc hội thông qua năm 1987, dòng vốn FDI vào Việt Nam có xu hướng tăng lên và ngày càng khẳng định vai trò quan trọng đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế ở Việt Nam. Và dù vẫn còn những phân vân giữa được và mất, song mở cửa thu hút FDI chính là một trong những quyết định sáng suốt nhất để Việt Nam từ một nước nghèo, lạc hậu trở thành một trong những điểm sáng của kinh tế toàn cầu [1].

Xuất phát từ thực trạng trên, nghiên cứu “Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế” được thực hiện nhằm đánh giá tình hình vốn FDI vào Việt Nam từ sau khi FDI bắt đầu vào Việt Nam (1988) đến nay.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Hội nhập kinh tế quốc tế được xác định có ý nghĩa chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986 đã mở đầu cho thời kỳ đổi mới đất nước. Trải qua các kỳ Đại hội, Đảng ta luôn nhận thức được tầm quan

trọng của hợp tác quốc tế. Tại Đại hội X (2006), Đảng ta đã nhấn mạnh chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác”. Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN. Năm 2000, Việt Nam ký Hiệp định thương mại song phương với Hàn Kỳ, tạo sức bật về đầu tư, tăng trưởng xuất khẩu. Tháng 01 năm 2007, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đây là một trong những thành tựu nổi bật về hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam. Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016 xác định: hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; Hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu.

Đến hết quý 2 năm 2018, Việt Nam đã phê chuẩn 10 FTA song phương và đa phương với các đối tác trong khu vực và trên thế giới, bao gồm: Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) và 5 FTA ASEAN+1 (Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia, New Zealand); 4 FTA song phương giữa Việt Nam với Nhật Bản (VJEPA), với Hàn Quốc (KVFTA), với Chile (VCFTA) với Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEUFTA). Việt Nam cũng đã cơ bản kết

* Tel: 01686 683686, Email: dungktdt0711.tueba@gmail.com

thúc đàm phán FTA với EU, cùng ASEAN ký FTA với Hong Kong vào tháng 11/2017. Đặc biệt, Việt Nam đã ký kết hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã ký kết tại Chile vào ngày 09/03/2018 với sự tham gia của 11 quốc gia. Hiệp định được kỳ vọng sẽ tạo thuận lợi cho việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm, giảm đói nghèo và nâng cao chất lượng sống của người dân các quốc gia thành viên. Trong quá trình đàm phán CPTPP, Việt Nam đã có những đóng góp vô cùng quan trọng. Việc tham gia ký kết các hiệp định hợp tác kinh tế với các tổ chức và quốc gia trên thế giới mở ra cho Việt Nam nhiều cơ hội cũng như thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ ở việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng mà còn phát triển bền vững các nguồn lực trong và ngoài nước.

Tình hình vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 1988-2017

Bảng 1. FDI được cấp phép tại Việt Nam (1988-2017)

Năm	Số dự án (dự án)	Tổng vốn đăng ký (Triệu USD) ¹	Tổng số vốn thực hiện (Triệu USD)	Tỷ lệ VTH/VĐK (%)
1988-1995	1.620	19.981,3	7.153,5	35,80
1996-2007	8.190	79.669	39.491,7	49,57
2008-2012	6.089	146.667,2	53.547,7	36,51
2013-2017	10.697	131.159,4	71.800	54,74
Tổng số	26596	377476,9	171992,9	45,56

(Nguồn: Niên giám thống kê)

Kể từ khi Việt Nam chính thức đổi mới nền kinh tế thì đã có một số lượng nhất định các nhà đầu tư nước ngoài tiến hành đầu tư tại Việt Nam theo hình thức FDI. Qua các giai đoạn phát triển của nền kinh tế đến nay, tổng số vốn thực hiện FDI đã tăng khoảng gấp 10 lần, cho thấy được sự hấp dẫn của Việt Nam với các doanh nghiệp nước ngoài. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 1988 đến 2017, Việt Nam đã thu hút được

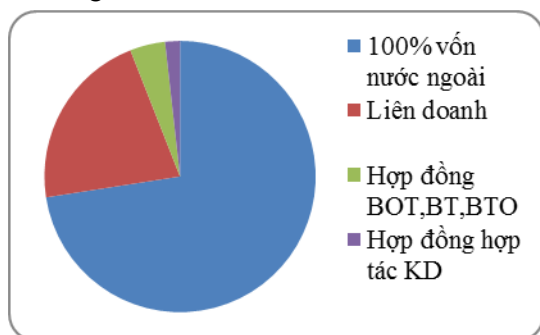
26.596 dự án FDI với tổng số vốn thực hiện là 171.992,9 triệu USD (chiếm 45,56% so với tổng số vốn cam kết). Cụ thể được thể hiện ở bảng 1.

Trong giai đoạn từ năm 1988 đến 2017, FDI vào Việt Nam có sự tăng mạnh về số dự án cũng như số vốn đầu tư thực hiện. Giai đoạn này là giai đoạn Việt Nam bắt đầu thực hiện đổi mới toàn diện nền kinh tế, chuyển từ hình thức kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường và có dấu mốc là sự gia nhập ASEAN vào năm 1995. Điều này mở ra rất nhiều cơ hội phát triển cho nền kinh tế quốc gia cũng như cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy mới bước vào giai đoạn đầu của hội nhập nhưng Việt Nam, một quốc gia mới bước ra từ chiến tranh, cả nước thời điểm đó còn đang tập trung phục hồi cơ sở hạ tầng cũng như nền kinh tế còn manh mún, chủ yếu làm nông nghiệp, đã chứng tỏ là quốc gia tiềm năng khi đạt mức vốn đăng ký là 19.981,3 triệu USD. Bước sang giai đoạn 1996 – 2007, tổng số dự án thực hiện tăng 6.570 dự án tương ứng tăng hơn gấp 4 lần so với giai đoạn trước, một sự gia tăng thần tốc. Về mặt giá trị, tổng số vốn đăng ký tăng gần gấp 3 lần, cùng với số vốn thực hiện tăng hơn gấp 4,5 lần so với giai đoạn trước, nâng mức tỷ lệ giải ngân FDI lên đến 49,57%. Với sự gia tăng đột biến về số vốn này cho thấy sự thành công lớn của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế. Đạt được kết quả trên cũng là do Việt Nam đã chủ động tham gia các diễn đàn kinh tế như: Hiệp định thương mại song phương với Hòa Kỳ, WTO,... Số dự án FDI được cấp phép trong giai đoạn 2008 -2012 giảm so với giai đoạn 1996-2007 tuy nhiên tổng số vốn thực hiện của dự án lại tăng lên đáng kể, tăng 14.056 triệu USD tương đương 35,59% so với giai đoạn trước. Trong giai đoạn 2013-2017, FDI vào Việt Nam đã có sự cải thiện rõ rệt cả về chất lượng và số lượng. Chỉ trong vòng 5 năm từ 2013 đến 2017, số dự án FDI vào Việt Nam là 10.697 dự án với

¹ Bao gồm cả vốn tăng thêm của các dự án đã được cấp giấy phép từ các năm trước

tổng vốn thực hiện tăng 18.252,3 triệu USD tương đương 34,09% so với giai đoạn trước, nâng tỷ lệ giải ngân lên mức 54,74%.

Kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được Quốc hội thông qua năm 1987, cùng với sự nỗ lực trong việc mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, Việt Nam ngày càng khẳng định được vị thế trên bản đồ kinh tế thế giới [3]. Mặc dù tổng vốn đầu tư có sự biến đổi mạnh qua các năm nhưng xu hướng chủ đạo của dòng vốn trong cả giai đoạn là tăng lên. FDI vào Việt Nam có số vốn đăng ký lớn nhất vào năm 2008 (đạt 71.726,8 triệu USD) nhưng lại chỉ đạt tỷ lệ giải ngân vốn thấp nhất trong suốt thời kỳ này là 16,03%. Điều này có thể được giải thích bởi ảnh hưởng lớn từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu giai đoạn 2007-2009 đã khiến cho vốn đầu tư thực hiện từ các đối tác không thể giải ngân tại Việt Nam như đã đăng ký. Ngoài ra, Việt Nam đã chứng kiến con số về tỷ lệ vốn thực hiện trên vốn đăng ký đạt giá trị lớn và đáng chú ý ở năm 1999 khi tỷ lệ này đạt 110,77%, lớn nhất trong thời kỳ nghiên cứu. Kết quả này cho thấy Việt Nam đã có những bước tiến vượt bậc trong thu hút FDI sau khi tham gia các tổ chức kinh tế khu vực như ASEAN (1995) và APEC (1998). Như vậy, có thể khẳng định việc tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế có ảnh hưởng mạnh mẽ đến dòng vốn FDI, gia tăng các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam.

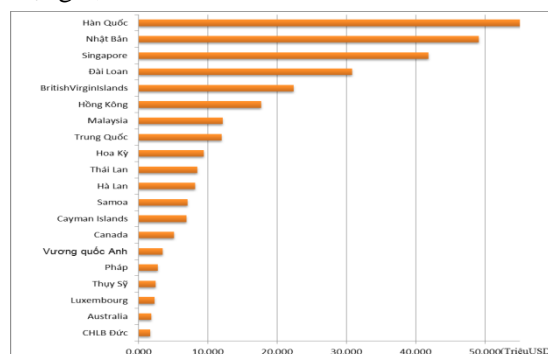


Biểu đồ 1. Cơ cấu đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo hình thức đầu tư²

(Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài)

² Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/11/2017

Xem xét trên góc độ hình thức đầu tư FDI vào Việt Nam, theo Cục đầu tư nước ngoài, hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn nhất, xếp thứ hai là hình thức liên doanh còn lại là các hình thức khác như hợp đồng BOT, BT, BTO và hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2017, trong tổng số các dự án còn hiệu lực thì hình thức 100% vốn đầu tư nước ngoài có 20.544 dự án với tổng vốn đăng ký là 229.886,24 triệu USD, đạt 72,54%, chiếm tỷ trọng cao nhất. Xếp thứ hai là hình thức liên doanh có 3.781 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 68.135,52 triệu USD, chiếm 21,5%; vị trí tiếp theo thuộc về hình thức hợp đồng BOT, BT, BTO với 15 dự án nhưng thu hút được tổng vốn đăng ký là 13.281,24 triệu USD chiếm 4,19% và còn lại là hợp đồng hợp tác kinh doanh có 240 dự án nhưng chỉ có số vốn đăng ký là 5.611,72 triệu USD, chiếm tỷ trọng 1,77%.



Biểu đồ 2. Top 20 đối tác FDI chủ yếu tại Việt Nam giai đoạn 1988-2017³

Về đối tác, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan là những quốc gia đầu tư chủ lực vào Việt Nam. Theo Cục Đầu tư nước ngoài, xét trên các dự án còn hiệu lực đến năm 2017, vốn đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam đạt 57.509,53 triệu USD thông qua 6.477 dự án, là đối tác FDI lớn nhất của Việt Nam. Xu hướng các doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam là nhiều nhất trong số các nước ASEAN. Đối tác FDI lớn thứ hai của Việt Nam là Nhật Bản với số vốn đầu tư ước đạt

³ Lũy kế các dự án còn hiệu lực đến ngày 20/11/2017

gần 50.000 triệu USD, số dự án là 3.577. Ngoài ra, còn có các đối tác lớn khác như Singapore (1.957 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 41.853,95 triệu USD), Đài Loan (2.534 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 30.833,73 triệu USD), Đảo Virgin thuộc Anh (740 dự án với tổng số vốn đăng ký đạt 22.412,25 triệu USD), Hồng Kông (1.265 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 17.691,2 triệu USD)...

Về lĩnh vực đầu tư, theo Cục đầu tư nước ngoài thì vốn FDI được tập trung vào 19 ngành kinh tế [2]. Theo đó thì ngành thu hút vốn FDI lớn nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo với tổng vốn đầu tư là khoảng 185.235,48 triệu USD thông qua 12.433 dự án, chiếm tỷ trọng 58,45% trong tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Sở dĩ nguyên nhân ngành này có sức hút lớn đối với FDI đã được các chuyên gia kinh tế đưa ra rất nhiều nhưng trong đó có 2 nguyên nhân quan trọng đó là thứ nhất, Việt Nam có nguồn lao động dồi dào và chi phí lao động rẻ hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực; thứ hai, chính sách thu hút đầu tư của Việt Nam đang thay đổi theo hướng tích cực, một loạt các văn bản luật liên quan đến đầu tư, DN đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo hướng tạo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư [3]. Tuy nhiên phần lớn các dự án FDI đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam mới chỉ dừng lại ở việc nhập khẩu nguyên liệu nước ngoài và lắp ráp tại Việt Nam, chưa có sức lan tỏa lớn đến nền kinh tế và doanh nghiệp trong nước. Mặt khác, không phải tất cả những dự án FDI đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đều có chất lượng tốt [3]. Trên thực tế, đã có không ít các dự án đầu tư vào lĩnh vực này nhằm mục đích tận dụng nguồn lao động giá rẻ và sử dụng công nghệ kém chất lượng, gây ô nhiễm môi trường. Đứng vị trí thứ hai là ngành kinh doanh bất động sản với tổng vốn đầu tư là 52.737,58 triệu USD thông qua 630 dự án, chiếm tỷ trọng 16,64%. Theo các chuyên gia bất động sản, lượng vốn FDI đổ mạnh vào bất động sản là do trước đây, các nhà đầu tư ngoại từ Singapore, Nhật Bản, Hàn

Quốc... chủ yếu phát triển trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng... nhưng hiện tại, họ hoạt động khá sôi nổi tại phân khúc nhà ở, thông qua việc kết hợp với doanh nghiệp trong nước. Vị trí thứ ba thuộc về ngành sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa với 118 dự án, thu hút được 20.823,37 triệu USD tương ứng 6,57%. Các vị trí tiếp theo là dịch vụ lưu trú và ăn uống (chiếm tỷ trọng 3,81%); xây dựng (chiếm tỷ trọng 3,4%); bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy (chiếm tỷ trọng 1,94%); khai khoáng (chiếm tỷ trọng 1,55%); vận tải kho bãi (chiếm tỷ trọng 1,42%); nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (chiếm tỷ trọng 1,1%); thông tin và truyền thông (chiếm tỷ trọng 1,05%) và các lĩnh vực khác tuy chiếm tỷ lệ nhỏ (dưới 1%) những cũng có đóng góp đáng kể đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Tác động của FDI đến phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam

Đối với hoạt động thu hút FDI, 30 năm là thời gian đủ dài để đánh giá đúng tầm quan trọng của khu vực FDI đối với kinh tế - xã hội của Việt Nam. Dòng vốn FDI đã đóng góp lớn vào tổng kim ngạch xuất nhập khẩu. Khu vực FDI ngày càng đóng góp nhiều hơn về vốn đầu tư, thu ngân sách nhà nước và xuất nhập khẩu; tạo thêm nguồn lực cho đầu tư thông qua việc mở ra một kênh mới cho đầu tư cho phát triển. Khu vực FDI hiện nay đóng góp khoảng 25% tổng vốn đầu tư cho xã hội và 20% GDP của cả nước; đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung vào những ngành công nghiệp và dịch vụ. Hiện nay, khoảng 58% tổng vốn FDI được đổ vào lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo, giúp chúng ta nâng cao giá trị và tạo ra sự chuyển dịch trong nội bộ các ngành kinh tế theo hướng tích cực hơn và cạnh tranh hơn; tạo thêm công ăn việc làm; góp phần cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; từ đó, giúp nâng cao tầm vóc, vai trò và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

KẾT LUẬN

Giai đoạn 1988 – 2017 Việt Nam có thể được coi là một điểm sáng khi thu hút được 26.596

dự án FDI với tổng số vốn thực hiện là 171.992,9 triệu USD (chiếm 45,56% so với tổng số vốn cam kết) trong đó hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng áp đảo với 72,54%, xếp thứ hai là hình thức đầu tư liên doanh (21,5%), tiếp theo là hình thức hợp đồng BOT, BT, BTO (4,19%) và hợp đồng hợp tác kinh doanh (1,77%). Trong số các đối tác, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan lần lượt là các quốc gia đầu tư FDI nhiều nhất vào Việt Nam với số vốn đạt từ trên 30 triệu USD. Lĩnh vực thu hút nhiều FDI là công nghiệp chế biến, chế tạo với tỷ trọng 58,45%, tập trung chủ yếu ở việc nhập khẩu nguyên liệu và lắp ráp tại Việt Nam. Bên cạnh đó, mới nổi lên gần đây là ngành kinh doanh bất động sản với số liệu về thu hút FDI cao thứ hai (16,64%) và chủ yếu phát triển trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng, phân khúc nhà ở. Trong giai đoạn 30 năm, FDI có những đóng góp đáng kể đến sự phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam như đóng góp nhiều hơn về vốn đầu tư, thu ngân sách nhà nước và xuất nhập khẩu, đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế... Tuy

nhiên, bên cạnh những lợi ích to lớn đem lại việc thu hút FDI cũng cần phải được rà soát và điều chỉnh để hiệu quả đầu tư có thể bền vững. Đó là (1) việc chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI cho Việt Nam còn thấp. (2) Các doanh nghiệp FDI mang vào Việt Nam công nghệ trung bình, lạc hậu chiếm phần lớn và (3) Kết nối giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp cung ứng trong nước còn yếu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2013), *Kỷ yếu hội nghị 25 năm Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*, Bộ Kế hoạch đầu tư, Hà Nội
2. Cục Đầu tư nước ngoài, (2016), *Tình hình thu hút Đầu tư nước ngoài 11 tháng năm 2017*, truy cập tại <http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/5443/Tinh-hinh-thu-hut-Dau-tu-nuoc-ngoai-11-thang-nam-2017> ngày 14 tháng 04 năm 2018
3. Đào Văn Hiệp, (2011), *Xu hướng vận động của động từ trực tiếp nước ngoài trên thế giới và các giải pháp thu hút vào Việt Nam*, Tạp chí nghiên cứu Kinh tế, (số 401), tháng 10/2011, T. 13-21
4. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê các năm 2011-2017*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

ABSTRACT

FOREIGN DIRECT INVESTMENT IN VIETNAM IN THE BACKGROUND OF THE INTERNATIONAL ECONOMIC INTERGRATION

Nguyễn Thị Thùy Dung*, Đinh Thị Vung, Nguyễn Thị Thủy Van
University of Economics and Business Administration - TNU

Foreign Direct Investment (FDI) is the one of significant factors contributing greatly to economics growth, creating jobs, contributing to speeding up the process of economic restructuring towards industrialization in Vietnam. Vietnam, also, is an attractive country to foreign investors because of the economics fundamentals and the global competitiveness are increasingly improved. Over the years, Vietnam has achieved in attracting the source of FDI. In the scope of the study, authors analyzed Vietnam's international economic integration process and the situation of foreign direct investment in Vietnam during the period from 1988 to 2017. From the result, the study gives an overview of the trend of foreign direct investment in Vietnam in the context of international economic.

Key words: *Foreign direct investment, FDI, international economic intergration, Vietnam, FDI in Vietnam*

Ngày nhận bài: 27/8/2018; Ngày phản biện: 10/9/2018; Ngày duyệt đăng: 12/10/2018

* Tel: 01686 683686, Email: dungktdt0711.tueba@gmail.com

